

# BỐI CẢNH LỊCH SỬ ĐẠI HỘI II CỦA ĐẢNG

GS ĐINH XUÂN LÂM

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố trước quốc dân đồng bào và nhân dân thế giới là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời, khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần có hòa bình để kiến thiết đất nước, vì vậy, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kiên trì giải quyết mối quan hệ bang giao hòa bình và hợp tác với Chính phủ Pháp. Việt Nam đã nhân nhượng ký *Hiệp định sơ bộ* (6-3-1946). Nhưng thực dân Pháp đã phản bội các văn bản vừa được ký kết chưa ráo mực, trắng trợn phá hoại các cuộc đàm phán ngoại giao giữa Việt Nam và Pháp. Với bản chất thực dân, chúng đã bội ước, lấn tới bằng chính trị - quân sự nhằm thực hiện âm mưu đặt lại toàn bộ ách thống trị trên đất nước ta.

Trước tình hình ngày càng nghiêm trọng đó, quân và dân ta vẫn bình tĩnh đối phó và

khẩn trương chuẩn bị. Tình thế khẩn cấp đòi hỏi Đảng và Nhà nước - đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh - phải có một sự chọn lựa lịch sử, phải kịp thời có một quyết định chiến lược để xoay chuyển vận nước đang lâm nguy. Đúng 20 giờ ngày 19-12-1946, mệnh lệnh chiến đấu đã được phát ra, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi rộng rãi khắp cả nước: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>2</sup>.

Tiếp đó, ngày 21-12-1946, Người đã gửi thư đến nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các nước Đồng minh nói rõ mục tiêu và ý chí đấu tranh vì độc lập tự do của Việt Nam, và khẳng định: “Cuộc kháng chiến rất lâu dài và đau khổ. Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất... Cuộc thắng lợi của chúng ta rất được bảo đảm”<sup>3</sup>.

Điều có tính chất quyết định là Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hạ quyết tâm chiến lược mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc đúng lúc và xác định được từ đầu những nội dung cơ bản về quan điểm, đường lối kháng chiến là chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi. Chính trên cơ sở quyết tâm thực hiện đường lối đúng đắn, sáng tạo đó mà nhân dân ta đã khắc phục được muôn vàn khó khăn chồng chất của buổi đầu kháng chiến. Để đến năm 1950, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã giành được những thắng lợi to lớn về chính trị, ngoại giao, quân sự.

Về chính trị và ngoại giao, sức mạnh và uy tín của nước Việt Nam được tăng cường rõ rệt. Lực lượng xã hội chủ nghĩa trên thế giới được củng cố và tăng cường. Liên Xô đã hoàn thành việc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh và chuẩn bị thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1951-1955, quốc phòng vững mạnh. Hiệp định Xô - Trung được ký kết (2-1950) đã tăng thêm sức mạnh cho hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cũng giành được những thành tựu quan trọng trong công cuộc kiến thiết.

Các nước xã hội chủ nghĩa sau khi lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam đã ủng hộ về tinh thần và viện trợ về vật chất. Năm 1950, hàng viện trợ của Trung Quốc đã được chuyển tới Việt Nam.

Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển, một số nước đã giành được độc

lập dân tộc. Đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi.

Trong bối cảnh thuận lợi đó, không phải không có rất nhiều khó khăn. Cụ thể là đế quốc Mỹ tăng cường chạy đua vũ trang, lập Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO), tháng 9-1949, đẩy mạnh cuộc “chiến tranh lạnh”, tiếp tay cho các nước đế quốc khác trong cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa và trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (10-1950). Trước đó, tháng 5-1950, Tổng thống Mỹ H.Truman đã quyết định viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, ủng hộ Chính phủ Bảo Đại. Tháng 12-1950, hai đế quốc Mỹ và Pháp đã cùng các “chính phủ quốc gia” Việt - Miên - Lào ký bản *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương*, Mỹ cam kết sẽ viện trợ quân sự cho các chính quyền tay sai để phòng thủ Đông Dương, thực chất là để chống lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ba nước. Tháng 9-1951, Mỹ trực tiếp ký với Bảo Đại “hiệp ước tay đôi”, gọi là *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mỹ*, nhằm chuyển thẳng một phần viện trợ Mỹ cho Chính phủ Bảo Đại và trực tiếp ràng buộc chính phủ này vào Mỹ. Tháng 12-1951, Mỹ lại ký với Bảo Đại một bản *Hiệp nghị an ninh chung*.

Sau khi các Hiệp định viện trợ quân sự, kinh tế, an ninh được ký kết, viện trợ của Mỹ chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong ngân sách của Pháp ở Đông Dương. Các phái đoàn viện trợ kinh tế, cố vấn quân sự của

Mỹ lần lượt tới Việt Nam, đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) được thành lập ở Việt Nam.

Được Mỹ viện trợ, Pháp đã kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, tập trung lực lượng phòng ngự và bình định vùng tạm chiếm, nhất là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ; đồng thời mở các cuộc phản công với hy vọng giành lại quyền chủ động chiến lược đã bị mất ở chiến trường Bắc Bộ. Chính vào thời gian này, ngày 6-12-1950, Chính phủ Pháp cử Đại tướng Đờlát đờ Tátxinhi sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Với sự viện trợ của Mỹ, Đờlát và “chính phủ quốc gia” đã xây dựng được một đội quân đông đảo, thực hiện ráo riết hơn chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”.

Sự nỗ lực chiến tranh của Pháp và “chính phủ quốc gia” do Mỹ viện trợ đã gây cho ta nhiều tổn thất nhưng chúng cũng không thể xoay ngược tình thế trên chiến trường. Trước tình thế bức bách đó, đế quốc Mỹ chính thức quyết định thay Pháp xâm lược Việt Nam.

Bất chấp tất cả mọi mưu mô và thủ đoạn ác độc của bè lũ đế quốc và tay sai, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam (có sự đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Lào và Campuchia) vẫn trên đà phát triển mạnh mẽ, cục diện chiến tranh ở Đông Dương vẫn thay đổi theo chiều hướng có lợi cho cuộc kháng chiến của ba

nước. Chính vào thời điểm thuận lợi này, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã họp ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, quyết định những vấn đề trọng đại về phương châm, đường lối, về tổ chức chung của ba nước Đông Dương và riêng cho mỗi nước để thúc đẩy cuộc kháng chiến về mọi mặt quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa - giáo dục, xã hội, đời sống... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đại hội ta là Đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”<sup>4</sup>.

Thực hiện đường lối Đại hội II vạch ra, cuộc kháng chiến của dân tộc ta, cùng với cuộc kháng chiến của hai dân tộc Lào - Campuchia anh em chống thực dân Pháp xâm lược đã đi đến thắng lợi, mở ra thời kỳ phát triển mới của dân tộc ta trên con đường hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.3, tr. 555-557

2, 3. *Sđđ*, T.4, tr. 480, 484

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T.12, tr.2.